

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH Q**

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Q....., ngày 18 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, về việc “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Y Đ, sinh năm 1999;
- *Bị đơn*: Anh A X, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã B, tỉnh Q (trước 01/7/2025 địa chỉ là: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K).

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y Đ, sinh năm 1999 và anh A X, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: Thôn I, xã B, tỉnh Q (trước 01/7/2025 địa chỉ là: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Đ và anh A X đồng ý thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa chị Y Đ và anh A X chấm dứt kể từ ngày ra quyết định (18/7/2025).

2.2. Về con chung: Chị Y Đ và anh A X có 02 con chung gồm: cháu Y Ngọc L, sinh ngày 30/9/2017 và cháu Y Mai K, sinh ngày 18/4/2019. Sau khi ly hôn anh, chị thỏa thuận: Chị Y Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con cho đến khi 02 con thành niên và có khả năng lao động. Anh A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Y Đ nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), chuyển số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Y Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Y Đ số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0002222 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11- Q, tỉnh Q).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 11
- TAND tỉnh Q;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen